

Bản án số: 500/2022/DS-PT

Ngày: 08-12-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

*Các Thẩm phán*

Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Vũ Toàn Giang

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện GL7, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 473/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **THT1**, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số nhà 28/36 đường NXT2, khu phố TN3, thị trấn HL4, huyện HL4, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Anh **TTT5**, sinh năm 1980;

Trú tại: Số nhà 9, ngách 112/6, xóm Mới, thôn Trung, xã DH6, huyện GL7, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Bà **TTH8**, sinh năm 1947.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H8:* Ông **THT1**, sinh năm 1947;  
Địa chỉ: Số nhà 28/36 đường NXT2, khu phố TN3, thị trấn HL4, huyện HL4, tỉnh Thanh Hóa.

*Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông THT1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTH8.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông THT1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTH8 do ông T1 làm đại diện thống nhất trình bày:***

Năm 2003, anh T5 là con trai ông bà được nhận vào làm việc bảo vệ ở cơ quan Trung tâm quản lý luồng không lưu hàng không dân dụng Việt Nam với mức lương mỗi tháng là 1.200.000 đồng không đủ sinh hoạt ăn ở và làm việc ở Hà Nội. Ông đã cùng con trai (anh T5) đi tìm đất hoặc nhà gắn liền với đất để con trai (anh T5) có nơi cư trú ổn định cuộc sống (có vợ, có nhà làm việc ở Hà Nội).

Ngày 18/9/2006, ông và vợ ông là bà H8 (là bố mẹ của anh T5) cho Thanh vay 220.000.000 đồng tiền gốc để tính trả tiền mua nhà cho bà HTV12. Tháng 10/2008, anh T5 có vợ là PTH9 chuyển tiền về Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện HL4 35.000.000 đồng trả tiền vay cho ông bà 35.000.000 đồng. Anh T5 và vợ còn nợ ông bà 185.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 9/2006 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tổng cộng cả gốc và lãi là 500.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc anh TTT5 trả tiền gốc và tiền lãi từ ngày 18/9/2006 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 500.000.000 đồng cho vợ chồng ông bà.

### ***Bị đơn anh TTT5 trình bày:***

Năm 2006, qua người quen anh có mua căn nhà tại xóm Mới, thôn Trung, xã DH6, huyện GL7, thành phố Hà Nội với giá là 220.000.000 đồng. Sau đó anh đặt cọc tiền và tiến hành giao tiền để nhận nhà và đất. Lúc anh mua bản thân anh đi làm tiết kiệm được khoảng 87.000.000 đồng không đủ để mua nên anh có hỏi vay thêm 98.000.000 đồng của vợ chồng anh chị anh là chị gái TTT10 và anh rể NVK11. Với số tiền của anh và vợ chồng chị gái anh cho vay tất cả được 185.000.000 đồng, anh đã bàn giao cho gia đình bà V12 và nhận nhà. Khi đó, anh giao tiền và có giấy biên nhận tiền có gia đình bên bán là bà HTV12 có ký nhận tiền. Khi đó, anh còn thiếu 35.000.000 đồng nên anh có viết giấy hẹn và khất gia đình bà V12 sau một tuần anh trả nốt số tiền 35.000.000 đồng và gia đình bà V12 đồng ý cho anh nợ lại một tuần. Sau đó, anh có nhờ bố mẹ anh là ông THT1 ở quê đi vay hộ anh số tiền còn lại là 35.000.000 đồng để trả nốt tiền nhà. Một tuần sau thì bố anh là ông T1 vay hộ và cầm ra cho anh để thanh toán nốt tiền nhà cho gia đình bà V12. Ngoài số tiền 35.000.000 đồng mà anh nhờ bố mẹ anh là ông T1 và bà H8 vay hộ thì anh không nhận thêm từ bố mẹ anh một đồng nào cả vì khi đấy nhà anh rất khó khăn. Bố anh là ông T1 công việc không ổn định, nghỉ không lương đóng bảo hiểm chờ nghỉ hưu còn mẹ anh là bà H8 lương giáo viên được hơn 2.000.000

đồng/tháng mà con cái đông không đủ chi tiêu sinh hoạt hàng ngày nên cũng chẳng có để cho hay cho vay gì cả. Với khoản vay 35.000.000 đồng anh nhờ bố mẹ anh đi vay hộ để mua nhà thì sau đó anh lấy vợ và vợ anh là PTTH9 có chuyển tiền về trả cho bố anh số tiền 35.000.000 đồng nhờ vay hộ để mua nhà đầy đủ. Việc ông T1 cho rằng anh vay 220.000.000 đồng để mua nhà là hoàn toàn vu khống, ông T1 đã giả mạo giấy tờ và hay dựng chuyện để đi lừa đảo, lật lọng con cái và người ngoài; nếu ông T1 mà đưa tiền cho anh thực sự thực sự thì bản án mà Tòa án nhân dân huyện GL7 và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử thì ông có đủ bằng chứng và chứng cứ để chứng minh đó là tài sản của ông T1 rồi. Nay, anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 536.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 185.000.000 đồng; tiền lãi là 1%/tháng (tức 1.850.000 đồng/tháng x 190 tháng = 351.500.000 đồng) theo giấy vay tiền trả tiền mua nhà cho bà HTV12 ngày 18/9/2006).

Bị đơn không thừa nhận khoản vay trên và cho rằng ông T1 tự viết và phô tô chữ ký của anh vào giấy; ông T1 không có bản gốc giấy tờ vay tiền. Bị đơn đề nghị bác yêu cầu của ông T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện GL7, thành phố Hà Nội đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông THT1 đối với anh TTT5.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm nguyên đơn là ông THT1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTH8 kháng cáo toàn bộ bản án.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi lừa đảo làm giả giấy tờ của ông THT1.

Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện GL7, thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng trực tiếp tại phiên toà; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong thời hạn quy định, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Kháng cáo nằm trong phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nên được xem xét. Như vậy, về hình thức kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự. Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Việc ủy quyền tham gia tố tụng và những người được ủy quyền có mặt theo đúng quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án của ông THT1 và bà TTH8, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh TTT5 là con trai ông THT1 và bà TTH8. Năm 2006 anh T5 mua nhà 2 tầng trên diện tích đất 57m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10 thôn Trung, xã 6, GL7, Hà Nội do thiếu tiền nên anh T5 đã nhờ ông T1 vay một số vay tiền nhưng không thống nhất nên đã xảy ra bất đồng cụ thể:

Theo ông T1 trình bày: Ngày 18/9/2006, ông T1 và bà H8 cho Thanh vay 220.000.000 đồng tiền gốc để tính trả tiền mua nhà cho bà HTV12. Tháng 10/2008, anh T5 có vợ là PTTH9 chuyển tiền về Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện HL4 35.000.000 đồng trả tiền vay cho ông T1, bà H8 35.000.000 đồng. Anh T5 và vợ còn nợ ông T1, bà H8 185.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 9/2006 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tổng cộng cả gốc và lãi là 500.000.000 đồng.

Ông T1 cung cấp: Giấy vay tiền trả tiền mua nhà bà HTV12 ngày 18/9/2006 giữa vợ chồng ông (ông T1, bà H8) và con trai (ông Thanh) thể hiện: “Ông THT1 bà TTH8 đưa cho con trai TTT5 vay 220.000.000 đồng. Lãi 150% phần trăm/tháng thời gian vay 6 tháng (sáu tháng) từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 03 năm 2007 để thanh toán trả tiền nhà cho gia đình bà HTV12. Phương thức thanh toán gốc + lãi = 1 lần.

Đến ngày 30-6-2007 anh T5 không trả số tiền gốc và lãi cho ông T1 bà H8 thì ông T1 bà H8 khởi kiện Thanh đến cơ quan Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Vợ chồng anh T5 đã trả ông T1 35.000.000 đồng tiền gốc.

Nay ông bà yêu cầu anh T5 phải trả 536.500.000 đồng (tiền gốc là 185 triệu đồng; tiền lãi là 1%/tháng (1.850.000 đồng/tháng x 190 tháng = 351.500.000 đồng).

Anh T5 trình bày: Anh không vay tiền ông T1. Tiền mua nhà (nhà 2 tầng trên diện tích đất 57m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10 thôn Trung, xã DH6, GL7, Hà Nội) là do anh tiết kiệm và vay mượn tổng cộng 220.000.000 đồng trả cho người bán là gia đình bà V12. Giấy vay tiền ông T1 xuất trình là do ông T1 tự viết và ghép chữ ký của anh rồi phô tô. Ông T1 không có bản gốc Giấy vay tiền như ông T1 nộp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm Tòa án đã yêu cầu ông T1 nộp bản gốc Giấy vay tiền nhưng ông T1 cho rằng, Giấy vay tiền bản gốc ông đã nộp cho Tòa án trong vụ án trước đây theo Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 02/2018/TB-TA ngày 02/01/2018 của Tòa án huyện GL7 nên giờ ông không có bản gốc để nộp cho Tòa án.

Tòa án GL7 đã thu thập hồ sơ vụ án thụ lý năm 2018, Tòa án huyện GL7 xét xử sơ thẩm. TA Hà Nội xét xử phúc thẩm và lưu giữ. Tòa án Hà Nội đã gửi bản sao hồ sơ 2018 cho cấp sơ thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thụ lý năm 2018 (vụ án tranh chấp Quyền sở hữu nhà và QSD đất) thấy rằng: trong toàn bộ hồ sơ khởi kiện ông T1 nộp ban đầu không có Giấy vay tiền để trả tiền mua nhà bà V12 (kể cả bản phô tô). Tại phần cuối đơn khởi kiện của ông T1 đối với ông Thanh ghi ngày 30/5/2017, phần danh mục các tài liệu nộp kèm theo đơn do ông T1 tự tay ghi cũng không thể hiện có Giấy vay tiền trên.

Như vậy, việc ông T1 trình bày đã nộp bản gốc Giấy vay tiền không có căn cứ. Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 02/2018/TB-TA ngày 02/01/2018 của Tòa án huyện GL7 có ghi ông T1 nộp bản gốc Giấy vay tiền là do lỗi cầu thả, không phù hợp với tài liệu ông T1 nộp kèm theo đơn khởi kiện.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án trước đây, ông T1 trình bày không thống nhất. Lúc ông cho rằng ông mua nhà bà V12 và cho anh T5 ở nhờ, lúc lại cho rằng ông và anh T5 mua chung mỗi người 1/2. Qua hồ sơ thể hiện số tiền 220.000.000đ mua nhà do anh T5 tiết kiệm một phần (87.000.000đ). Số tiền còn thiếu năm 2006, anh vay của chị gái (Thảo), anh rể (Khang) 98.000.000đ. Còn lại vay ông T1 35.000.000đ. Đến cuối năm 2007 vợ chồng anh đã trả ông T1 35.000.000 đ (có giấy nộp tiền qua ngân hàng ngày 26/12/2007 đến số tài khoản) ông T1. Số tiền nợ vợ chồng chị gái anh đã đến nhà anh chị thanh toán đầy đủ vào đầu năm 2008 (có lời khai xác nhận của anh Khang).

Các bản án xét xử trước đây: Tòa án nhân dân huyện GL7 (Bản án sơ thẩm số 09 ngày 06/9/2018) và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Bản án phúc thẩm số 76 ngày 12/4/2019) không chấp nhận yêu cầu đòi nhà, đất (ban đầu ông yêu cầu mỗi bên được 1/2 nhà, đất; sau ông yêu cầu toàn bộ nhà đất là của ông, anh T5 muốn ở phải trả tiền) của ông với anh Thanh thì ông khởi kiện yêu cầu anh T5 trả tiền gốc và lãi mua nhà bà V12. Tại thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm (số 11 ngày 13/01/2021) của Tòa án nhân dân tối cao thể hiện: không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm số 76 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Với tài liệu hiện có: không có căn cứ kết luận anh T5 đã vay của ông T1, bà H8 220.000.000 đồng để trả tiền mua nhà cho bà V12. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà H8 đòi anh T5 phải trả 536.500.000 đồng (tiền gốc là 185 triệu đồng; tiền lãi là 1%/tháng (1.850.000 đồng/tháng x 190 tháng = 351.500.000 đồng) là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông THT1 và bà TTH8.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] **Về án phí:**

Án phí sơ thẩm: Ông THT1 là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: ông THT1 và bà TTH8 đều là những đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Tiểu mục b2, mục b, khoản 2, phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của ông THT1 và bà TTH8.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện GL7, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông THT1 đối với anh TTT5.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông THT1. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà TTH8.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện GL7;
- Chi cục THADS huyện GL7; ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TOÀ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN**